

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày: 06-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Trương Nguon.

Bà: Nguyễn Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông: Nguyễn Thành Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/TLST - HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

- Nguyễn Đức T (Tên gọi khác: N), sinh năm 1986, tại Tiền Giang.

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; vợ: Trương Bích N, sinh năm 1986; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo đang chấp hành án phạt tù, theo bản án số 38/2021/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T tại Trại tạm giam - Công an tỉnh T, từ ngày 23/3/2021.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Võ Thị H (Tên gọi khác: B), sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1994 (có mặt).

+ Võ Trường T (Tên gọi khác: B), sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng cư trú: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

+ Nguyễn Quốc K (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

+ Nguyễn Thành Đ (Tên gọi khác: B), sinh năm 1997 (có mặt).

Nơi cư trú: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

+ Nguyễn Phương T (Tên gọi khác: U), sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

+ Phạm Hoài Đ (Tên gọi khác: B), sinh năm 1996 (có mặt).

Nơi cư trú: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

+ Lưu Toàn Tr (Tên gọi khác: Th), sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh T.

+ Phan Lê Nhựt H (Tên gọi khác: X), sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

+ Võ Văn Thanh H (Tên gọi khác: B), sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

+ Lê Khắc V, sinh năm 1993 (có mặt).

+ Trương Bích N, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

- *Người làm chứng:*

+ Võ Văn Thanh H (Tên gọi khác: B), sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

+ Trần Thị Kim L, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

+ Khru Đạt H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với anh Võ Trường T (B) là con của bà Võ Thị H, nên vào khoảng 21 giờ, ngày 27/02/2021, bị cáo Nguyễn Đức T rủ Nguyễn Quốc K, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Phương T, Lưu Toàn Tr, Phạm Hoài Đ đến nhà của bà H tìm anh T (B) để giải quyết mâu thuẫn. Khi đi T cầm theo 01 cái búa, T cầm theo 01 con dao tự chế, Đ cầm theo 01 gậy ba khúc. Khi đến trước nhà bà H do cửa rào đóng, nhóm của bị cáo T không vào nhà được, nên đứng bên ngoài cửa rào cự cãi, đe dọa thách thức đánh nhau với anh T (B) và anh Nguyễn Hoàng T là hai con của bà H. Lúc này ông H (chồng bà H) đi ra kêu bị cáo T bỏ qua, sẽ kêu T (B) và T gặp bị cáo T để xin lỗi; nên nhóm bị cáo T bỏ đi về. Sau khi nhóm bị cáo T đi, T (B) và T điện thoại cho bị cáo T thách thức, hẹn gặp tại bến xe G để đánh nhau, nhóm bị cáo T đến nơi hẹn, đợi khoảng 15 phút không thấy ai đến, nên giải tán đi về.

Từ ngày 28/02/2021 đến ngày 07/3/2021; nhóm của bị cáo T gồm K, Đ, Đ, T, H, V liên tục đến nhà bà H có hành vi đe dọa, nẹt bom xe, đi qua lại trước cửa nhà, dùng vật cứng chạm vào hàng rào gây tiếng động, đập ngã cửa rào. Do sợ nhóm bị cáo T đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của người thân trong gia đình, nên bà H kêu ông H (B) đi gặp bị cáo T xin bỏ qua chuyện mâu thuẫn với T (B) và T, đừng cho người đến nhà đe dọa, quấy phá. Ông H gặp bị cáo T nói lại việc bà H nhờ, nhưng bị cáo T không nói gì. Sau khi ông H về nhà thì bị cáo T sử dụng điện thoại di động nhắn nhiều tin vào số thuê bao di động của ông H (B) với nội dung:

“như chú T nói con phạt cho nó nhớ đời 20 triệu đó chú, nếu nó đóng liền con tha cho nó còn không gặp ai chém đó danh dự con và tiếng nói”, “vậy thôi nha chú con cho người giải quyết nên đừng buồn nha chú”, “vậy nha để con xử gia đình nó rồi nên đừng ai buồn con như vậy đi chú”, “chú buồn con con chịu tội này con cho nó ăn lựu đạn cho nó biết”. Ông H thông tin lại toàn bộ nội dung tin nhắn của bị cáo T cho bà H biết; đồng thời, bị cáo T cũng nhắn tin cho T (B) với nội dung: “con mẹ mày, làm gì mày đánh em tao, mày thằng chó, tao cho người chém chết mẹ mày đó”, “mày chờ đi tao có làm gì mày không nha mày”, “mày mà không gặp tao thì mày lên trời ở nha, tao nói trước, mày biết tao nói tao làm” và nhắn tin cho bà H với nội dung: “chị nè muốn gì nói chuyện với em chứ không cần nhờ ai hết, không ai giúp được chi đâu; nè vụ này không bao giờ em bỏ qua nha chị, nếu em mà để hai con chị lạnh lùng em ăn cứ ở cái đất này đó chị” và nhiều tin nhắn khác; đồng thời bị cáo T yêu cầu bà H phải đưa cho bị cáo T 20.000.000 đồng xem như tiền phạt thì bị cáo T sẽ bỏ qua chuyện mâu thuẫn với T (B) và T. Do liên tục bị nhóm bị cáo T đến nhà có hành vi đe dọa, uy hiếp làm cho bà H hoang mang, lo sợ người thân trong gia đình bị xâm hại đến sức khỏe, tính mạng và ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của gia đình; nên vào khoảng 10 giờ, ngày 14/3/2021, bà H đưa trực tiếp cho bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng tại cửa rào nhà bà H. Đến ngày 17/3/2021, biết được thông tin bị cáo T bị Cơ quan Công an bắt, nên bà H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T tố cáo hành vi của bị cáo T, từ đó hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị cáo T bị phát hiện.

Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 11 giờ 00 phút, ngày 31/3/2021, ghi nhận: sự việc xảy ra tại đường bê tông trước cửa nhà số 144, khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh T do ông Võ Văn K làm chủ hộ.

Đường bê tông rộng trung bình 2,2m chạy hướng Đông – Tây. Nhà số 144 có hàng rào bê tông, phía trên gắn kẽm loại lưới B40, hàng rào cao 2m, giữa đường bê tông và nhà số 144 có cổng rào gồm hai cánh cửa mở vào trong bằng kim loại màu xanh, kích thước (2,2 x 1,5)m, cửa rào quay về phía Nam.

Quá trình điều tra, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ:

- 02 clip từ camera nhà bà Huệ: 01 clip ghi lại hình ảnh nhóm bị cáo T kéo đến trước nhà bà H đập phá và 01 clip ghi lại hình ảnh bị cáo T nhận số tiền 10.000.000 đồng của bà H.

- 18 tờ giấy thể hiện nội dung các tin nhắn giữa bà H với bị cáo T.

- 13 tờ giấy thể hiện nội dung các tin nhắn giữa ông Võ Văn Thanh H với bị cáo T.

- 01 tờ giấy thể hiện nội dung tin nhắn giữa Võ Trường T (B) với bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 10.000.000 đồng; chị Trương Bích N (vợ bị cáo T) đã thay bị cáo T trả lại xong cho bà H

10.000.000 đồng. Bà H có đơn bãi nại, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSTG-P2 ngày 25/01/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T truy tố bị cáo Nguyễn Đức T, về tội: “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 điều 170 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây giữ quyền công tố giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55, 56; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 02 năm tù đến 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt tù với bản án số 38/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

- Về xử lý vật chứng: không có.

- Về trách nhiệm dân sự: không có.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* *Tại phiên tòa, bị cáo T khai:* Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã sử dụng điện thoại di động nhắn nhiều tin vào số điện thoại di động của ông H, bà H, anh T (B) đe dọa, uy hiếp tin thần của bà H để nhằm chiếm đoạt tiền của bà H. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 10.000.000 đồng của bà H, bị cáo T lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã tác động gia đình trả lại xong cho bà H 10.000.000 đồng. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật; bị cáo ăn năn, hối cải; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* *Tại phiên tòa, người bị hại bà Võ Thị H khai:* Khoảng 21 giờ, ngày 27/02/2021, bị cáo T và một nhóm thanh niên đến nhà bà H hăm dọa, cạy cửa, đòi đánh nhau với hai con của bà H là anh T (B) và anh T. Vài ngày sau đó bị cáo T sai đàn em nhiều lần đến trước cửa nhà của bà H hăm dọa, đập phá cửa rào. Bị cáo T nhắn tin hăm dọa T (B) con trai bà H và nhắn nhiều tin vào điện thoại di động của ông H và bà H hăm dọa sẽ không bỏ qua cho hai đứa con của bà H, kêu bà H phải đưa cho bị cáo T 20.000.000 đồng để bị cáo T bỏ qua chuyện mâu thuẫn với hai con của bà H. Do liên tục bị nhóm bị cáo T đến nhà đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp làm cho bà H hoang mang, lo sợ người thân trong gia đình bị xâm hại đến sức khỏe, tính mạng và ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình; nên vào khoảng 10 giờ, ngày 14/3/2021, bà H đưa trực tiếp cho bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng tại cửa rào nhà của bà H. Đến ngày 17/3/2021, biết được bị cáo T bị Cơ quan Công an bắt, nên bà H tố cáo hành vi của bị cáo T.

- Về trách nhiệm hình sự: Bà H có đơn bãi nại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà H đã nhận lại xong số tiền 10.000.000 đồng, do chị N trả tiền thay cho bị cáo T. Bà H không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng T khai: Trước khi xảy ra sự việc nhóm bị cáo T đến nhà tìm T (B) thì anh T với bị cáo T không có phát sinh mâu thuẫn gì.

- Tại phiên tòa, anh Nguyễn Quốc K khai: Anh K có đi theo bị cáo T đến trước cửa nhà bà H, nhưng không biết bị cáo T cưỡng đoạt số tiền 10.000.000 đồng của bà H; anh K không có sử dụng tiền mà bị cáo T cưỡng đoạt của bà H.

- Tại phiên tòa, anh Nguyễn Phương T khai: Anh T có đi theo bị cáo T đến trước cửa nhà bà H; anh T có cầm theo một cái búa, nhưng không biết bị cáo T cưỡng đoạt số tiền 10.000.000 đồng của bà H; anh T không có sử dụng tiền mà bị cáo T cưỡng đoạt của bà H.

- Tại phiên tòa, anh Phạm Hoài Đ khai: Anh Đ có đi theo bị cáo T đến trước cửa nhà bà H; anh Đ có cầm theo một gậy ba khúc, nhưng không biết bị cáo T cưỡng đoạt số tiền 10.000.000 đồng của bà H; anh Đ không có sử dụng tiền mà bị cáo T cưỡng đoạt của bà H.

- Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thành Đ khai: Anh Đ có đi theo bị cáo T đến trước cửa nhà bà H, nhưng không biết bị cáo T cưỡng đoạt số tiền 10.000.000 đồng của bà H; anh Đ không có sử dụng tiền mà bị cáo T cưỡng đoạt của bà H.

- Tại phiên tòa, anh Phan Lê Nhựt H khai: Anh H có một lần đến trước cửa nhà bà H, nhưng không biết bị cáo T cưỡng đoạt số tiền 10.000.000 đồng của bà H; anh H không có sử dụng tiền mà bị cáo T cưỡng đoạt của bà H.

- Tại phiên tòa, anh Lê Khắc V khai: Anh V có một lần đến trước cửa nhà bà H, nhưng không biết bị cáo T cưỡng đoạt số tiền 10.000.000 đồng của bà H; anh V không có sử dụng tiền mà bị cáo T cưỡng đoạt của bà H.

- Tại phiên tòa, ông Võ Văn Thanh H trình bày: Bà H có nhờ ông H đến gặp bị cáo T để xin bị cáo T bỏ qua chuyện mâu thuẫn giữa bị cáo T với hai con của bà H. Ông H không có nhận tiền của bà H giao cho bị cáo T.

- Tại phiên tòa, chị Trương Bích N khai: Chị N là vợ của bị cáo T đã thay bị cáo T trả lại xong cho bà H 10.000.000 đồng; chị N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

** Tại phiên tòa, người làm chứng ông Võ Văn Thanh H khai:* Bị cáo T có nhấn nhiều tin vào diện thoại di động của ông H đe dọa sẽ dùng vũ lực, đòi phải đưa cho bị cáo T 20.000.000 đồng coi như là tiền phạt thì bị cáo T mới bỏ qua chuyện mâu thuẫn với hai con của bà H. Ông H thông tin lại toàn bộ nội dung các tin nhắn của bị cáo T cho bà H biết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Trường T, Lưu Toàn T; người làm chứng Khuru Đạt H, Trần Thị Kim L đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập dự phiên tòa đúng quy định pháp luật, nhưng vắng mặt. Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có lời khai tại Cơ quan điều tra; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên theo quy định tại các Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo T khai bị cáo đã thực hiện hành vi đe dọa, uy hiếp tin thần của bà Võ Thị H để chiếm đoạt tiền của bà H. Cụ thể: Do mâu thuẫn với anh T (B), nên khoảng 21 giờ ngày 27/02/2021, bị cáo T rủ K, Đ, T, Tr, Đ đến nhà bà H tìm T (B) để giải quyết mâu thuẫn. Tại trước cửa rào nhà bà H, nhóm bị cáo T cự cãi qua lại với anh T (B) và anh T là hai con của bà H, đòi đánh nhau với anh Th (B) và anh T; từ ngày 28/02/2021 đến ngày 07/3/2021, nhóm của bị cáo T gồm K, Đ, T, Đ, H, V liên tục đến trước cửa nhà bà H có hành vi đe dọa, nẹt bom xe, đi qua lại trước cửa nhà bà H. Bị cáo T sử dụng điện thoại di động nhắn nhiều tin vào điện thoại của ông H, bà H, anh T (B) đe dọa sẽ dùng vũ lực, uy hiếp tin thần của bà H, đòi phải đưa cho bị cáo T 20.000.000 đồng thì mới bỏ qua chuyện mâu thuẫn với hai con của bà H. Do hoang mang, lo sợ người thân trong gia đình bị xâm hại đến sức khỏe, tính mạng và ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình; nên ngày 14/3/2021, bà H trực tiếp đưa cho bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng tại cửa rào nhà bà H để bị cáo T bỏ qua chuyện mâu thuẫn với hai con của bà H. Bị cáo T đã nhận số tiền 10.000.000 đồng của bà H, tiêu xài cá nhân. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật; bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo; xin Hội đồng xét xử xem xét giải nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hành vi mà bị cáo đã thực hiện rất nguy hiểm cho xã hội; bị cáo cố ý chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ; đồng thời gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, gây bất bình trong nhân dân; mặc khác công tác phòng chống tội phạm hiện nay đang được dư luận quan tâm. Do đó xét tính chất, mức độ, hành vi nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo đã thực hiện, nên phải xử lý nghiêm, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thêm một thời

gian, để nhằm giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời để đấu tranh, phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó cần xem xét các tình tiết trên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét bị cáo đang chấp hành án hình phạt 02 năm tù, theo bản án số 38/2021/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T, từ ngày 23/3/2021; nên tổng hợp hình phạt, bị cáo phải hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với hành vi của Nguyễn Quốc K, Nguyễn Thành Đ, Lưu Toàn Tr, Phạm Hoài Đ, Phan Lê Nhựt H, Lê Khắc V: Qua điều tra xác định có nhiều lần đến trước cửa nhà bà H gây mất trật tự, nhưng không biết bị cáo T cưỡng đoạt số tiền 10.000.000 đồng của bà H, không có sử dụng tiền mà bị cáo T đã cưỡng đoạt của bà H; nên không có cơ sở xử lý đồng phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh T có Công văn yêu cầu Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; nên không xem xét.

[5] Về vật chứng: 01 clip camera ghi lại hình ảnh nhóm bị cáo T kéo đến trước nhà bà H đập phá và 01 clip camera ghi lại hình ảnh bị cáo T nhận số tiền 10.000.000 đồng của bà H; 18 tờ giấy thể hiện nội dung các tin nhắn giữa bà H với bị cáo T; 13 tờ giấy thể hiện nội dung các tin nhắn giữa anh Võ Văn Thanh H với bị cáo T; 01 tờ giấy thể hiện nội dung tin nhắn giữa anh Võ Trường T (B) với bị cáo T là tài liệu, chứng cứ; nên lưu hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Điều 136, 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Phạt bị cáo Nguyễn Đức T 02 năm tù; tổng hợp hình phạt tù với Bản án số 38/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T: Buộc bị cáo

phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án trước từ ngày 23/3/2021.

2. Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T; anh K, anh Đ, anh T, anh Đ, anh H, anh V, ông H, chị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H, anh T(B), anh T, anh Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Có mặt nghe tuyên án: Bị cáo T; anh K, anh Đ, anh T, anh Đ, anh H, anh V, ông H, chị N. Vắng mặt: bà H, anh T (é), anh T, anh Tr.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh T;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh T;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu